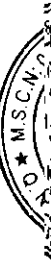


**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 – 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 30



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG**  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

**1. Công ty**

Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng ("Công ty") là công ty cổ phần Nhà nước được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 351/QĐ-HC ngày 08 tháng 04 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sóc Trăng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2200107515 vào ngày 17 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 3 số 2200107515 vào ngày 23 tháng 8 năm 2012.

Văn phòng của Công ty được đặt số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty bao gồm các ngành nghề sau:

- Dịch vụ đầu tư trồng và thu mua mía;
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp đường và các sản phẩm ngành mía đường;
- Sản xuất, mua bán phân bón;
- Sản xuất, mua bán nước tinh lọc.
- Mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị, phụ tùng... phục vụ sản xuất đường và trồng mía;
- Sản xuất và kinh doanh điện.

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Chung Thanh Tâm	Chủ tịch/Bổ nhiệm ngày 25/09/2013
Ông Nguyễn Thanh Nhân	Phó Chủ tịch/Bổ nhiệm ngày 25/09/2013
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên/Bổ nhiệm ngày 25/09/2013
Ông Cổ Trí Dũng	Thành viên/Bổ nhiệm ngày 25/09/2013
Bà Trần Thị Thái	Thành viên/Bổ nhiệm ngày 25/09/2013

**Ban kiểm soát**

Bà Trần Mộng Ngọc	Trưởng ban kiểm soát/Bổ nhiệm ngày 25/09/2013
Ông Phạm Như Hóa	Kiểm soát viên/Bổ nhiệm ngày 25/09/2013
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Kiểm soát viên/Bổ nhiệm ngày 25/09/2013

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Cổ Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc/Bổ nhiệm ngày 06/06/2014
Bà Phương Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc/Miễn nhiệm ngày 30/04/2014

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

995  
ÔNG T  
NHÌEM H  
EM TO  
VIỆT  
I NHÀ  
ẤN T



Số: 012/2014/BCKT-CT.009

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng, được lập ngày 18 tháng 8 năm 2014, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 5 tháng 9 năm 2013.



**TRẦN ĐẶC NHA**  
Giám đốc

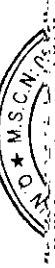
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 18 tháng 8 năm 2014

  
**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1



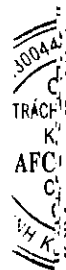
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.347.500.223</b>	<b>68.534.900.407</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>9.400.600.087</b>	<b>37.217.028.502</b>
Tiền	111		2.400.600.087	2.217.028.502
Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	35.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>25.642.546.427</b>	<b>5.037.020.768</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	20.332.144.874	1.629.727.837
Trả trước cho người bán	132	4.3	13.189.343.303	9.141.142.913
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.463.452.148	1.623.450.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.5	(9.342.393.898)	(7.357.299.982)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>25.990.679.579</b>	<b>25.817.471.283</b>
Hàng tồn kho	141	4.6	25.990.679.579	25.817.471.283
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>313.674.130</b>	<b>463.379.854</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		124.387.030	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		189.287.100	463.379.854



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>156.287.760.567</b>	<b>173.367.861.221</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>155.259.715.127</b>	<b>171.920.950.268</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	145.567.350.258	159.384.829.227
Nguyên giá	222		319.166.910.137	319.271.318.837
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.599.559.879)	(159.886.489.610)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	8.164.540.689	8.527.776.611
Nguyên giá	228		13.042.991.408	12.928.885.408
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.878.450.719)	(4.401.108.797)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	1.527.824.180	4.008.344.430
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>718.590.000</b>	<b>718.590.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	4.10	718.590.000	718.590.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>309.455.440</b>	<b>728.320.953</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.11	309.455.440	728.320.953
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>217.635.260.790</b>	<b>241.902.761.628</b>

8995-  
ÔNG T  
NHIỆM  
HỆM TO  
VIỆT  
HINH  
SẢN TH  
TU - T



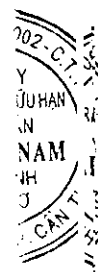
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>104.455.570.694</b>	<b>137.259.609.002</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>54.646.088.198</b>	<b>66.432.062.906</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	12.107.200.000	13.107.200.000
Phải trả cho người bán	312	4.13	677.476.263	1.201.619.040
Người mua trả tiền trước	313	4.14	819.471.618	109.984.929
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.15	8.043.926.967	13.954.047.935
Phải trả công nhân viên	315		1.847.626.582	280.594.029
Chi phí phải trả	316	4.16	8.482.514.702	15.928.924.005
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.17	16.866.414.394	17.661.599.973
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		319.380.623	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.18	5.482.077.049	4.188.092.995
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>49.809.482.496</b>	<b>70.827.546.096</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.19	8.500.000.000	17.000.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	4.20	40.413.883.926	52.521.083.926
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339	4.21	895.598.570	1.306.462.170
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>113.179.690.096</b>	<b>104.643.152.626</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.22	<b>113.179.690.096</b>	<b>104.643.152.626</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		29.623.539.901	22.653.378.916
Quỹ dự phòng tài chính	418		7.179.233.854	6.204.891.312
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		36.376.916.341	35.784.882.398
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>217.635.260.790</b>	<b>241.902.761.628</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

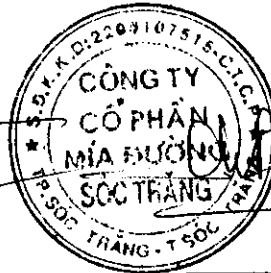
## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

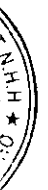
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2014	01/07/2013
Tài sản thuê ngoài		155.444.318	155.444.318
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		5.140.198.321	5.140.198.321
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**  
Người lập biểu

**PHAN TUYẾT THU**  
Kế toán trưởng



**CÔ TRÍ DŨNG**  
Tổng Giám đốc  
Sóc Trăng, ngày 18 tháng 8 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

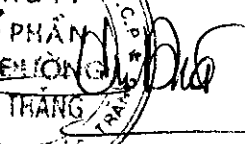
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	5.1	<b>579.113.587.976</b>	<b>612.372.963.535</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	41.334.407	13.096.813.564
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>579.072.253.569</b>	<b>599.276.149.971</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>520.056.666.114</b>	<b>542.848.727.332</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>59.015.587.455</b>	<b>56.427.422.639</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.014.038.170	2.625.508.462
Chi phí tài chính	22	5.4	9.505.314.951	14.985.084.800
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		9.505.299.099	14.985.084.800
Chi phí bán hàng	24		5.549.851.215	8.393.740.823
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.015.487.450	12.407.023.204
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>29.958.972.009</b>	<b>23.267.082.274</b>
Thu nhập khác	31	5.5	1.969.054.963	957.764.435
Chi phí khác	32	5.6	889.889.585	730.152.632
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.079.165.378</b>	<b>227.611.803</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>31.038.137.387</b>	<b>23.494.694.077</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	5.497.286.857	473.145.078
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.7	418.865.513	(728.320.953)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>25.121.985.017</b>	<b>23.749.869.952</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	6.280	5.937



  
**NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**  
 Người lập biểu


  
  
**PHAN TUYẾT THU**  
 Kế toán trưởng

  
**CỔ TRÍ DŨNG**  
 Tổng Giám đốc  
 Sóc Trăng, ngày 18 tháng 8 năm 2014

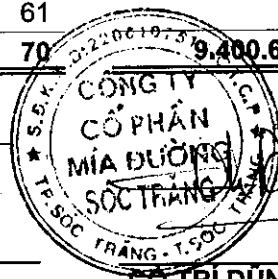
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

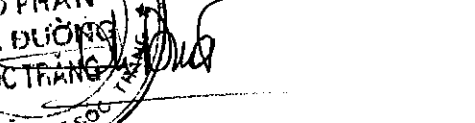
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	31.038.137.387	23.494.694.077
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.143.697.256	15.154.916.994
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	1.985.093.916	628.332.588
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(847.419.228)	(1.435.159.975)
Chi phí lãi vay	06	9.505.299.099	14.985.084.800
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>56.824.808.430</b>	<b>52.827.868.484</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(17.796.748.837)	(7.609.192)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	2.447.312.752	(2.523.595.669)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(14.543.414.488)	4.438.216.900
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(124.387.030)	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.622.672.934)	(12.903.813.486)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.696.618.773)	(5.461.564.447)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(12.442.419.040)	(14.178.151.160)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>45.860.080</b>	<b>22.191.351.430</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.746.109.376)	(4.357.993.229)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.818.181.818	460.908.182
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.152.585.639	2.148.350.188
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.775.341.919)</b>	<b>(1.748.734.859)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	138.334.472.097	105.086.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(151.441.672.097)	(118.617.337.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.979.746.576)	(12.018.752.385)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(23.086.946.576)</b>	<b>(25.550.089.385)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(27.816.428.415)</b>	<b>(5.107.472.814)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>37.217.028.502</b>	<b>42.324.501.316</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>9.400.600.087</b>	<b>37.217.028.502</b>

  
**NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**  
 Người lập biểu

  
**PHAN TUYẾT THU**  
 Kế toán trưởng



  
**CỔ TRÍ DŨNG**  
 Tổng Giám đốc  
 Sóc Trăng, ngày 18 tháng 8 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng ("Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 351/QĐ-HC ngày 08 tháng 04 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sóc Trăng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2200107515 vào ngày 17 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 3 số 2200107515 vào ngày 23 tháng 08 năm 2012.

Văn phòng của Công ty được đặt số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty bao gồm các ngành nghề sau:

- Dịch vụ đầu tư trồng và thu mua mía;
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp đường và các sản phẩm ngành mía đường;
- Sản xuất, mua bán phân bón;
- Sản xuất, mua bán nước tinh lọc.
- Mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị, phụ tùng... phục vụ sản xuất đường và trồng mía;
- Sản xuất và kinh doanh điện.
- Kinh doanh bất động sản.

Công ty có 01 Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc:

### Công ty liên kết:

Công ty Cổ Phần Vận Tải Mía Đường Sóc Trăng ở đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

### Các đơn vị trực thuộc:

Cửa Hàng Giới Thiệu và Tiêu Thụ Sản Phẩm Sóc Trăng - Số 360, Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Cửa Hàng Giới Thiệu và Tiêu Thụ Sản Phẩm Sóc Trăng – Số 400, Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Cửa Hàng Giới Thiệu và Tiêu Thụ Sản Phẩm Sóc Trăng – Số 471 Quốc lộ 1, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Cửa Hàng Giới Thiệu và Tiêu Thụ Sản Phẩm Sóc Trăng - Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Cửa Hàng Giới Thiệu và Tiêu Thụ Sản Phẩm Cà Mau – số 90, Phan Bội Châu, phường 7, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Cửa Hàng Giới Thiệu và Tiêu Thụ Sản Phẩm Cần Thơ – số 31 Trần Văn Hoài, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Trạm Kinh Doanh Cần Thơ – 2B Huỳnh Thúc Kháng, Phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Trạm Mía Giống Cù Lao Dung – ấp Văn Sáu, xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trạm Nông Vụ Cù Lao Dung – đường Đoàn Phước Trung, ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

95-06  
CÔNG TY  
PHẠM HÙNG  
TOÁN  
TỈNH  
HÀNH  
THO  
TP.

Trạm Giao Dịch TP. HCM – Lý Phục Man – phường Bình Thuận – quận 7 – TP.HCM

Cửa Hàng Giới Thiệu và Tiêu Thụ Sản Phẩm Ngã Bảy – số 898 Hùng Vương, phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 400 người, (30/06/2013: 412 người).

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

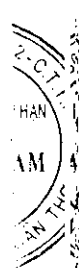
Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

### **3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

#### Tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	10 – 12 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	08 năm
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 năm
Phần mềm kế toán	08 năm

### 3.5 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 3.6 Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí công cụ dụng cụ phát sinh, chi phí bảo hiểm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở xuống. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm trở xuống theo các quy định kế toán hiện hành.

### 3.8 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### 3.9 Tiền lương

Quý lương được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐ ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng. Tổng quý lương trong năm được tính trên tổng sản lượng đường sản xuất trong năm nhân với đơn giá tiền lương.

### 3.10 Các khoản trích theo lương

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014:*

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

### 3.11 " Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

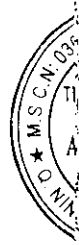
Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRẮNG**  
 Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

thăng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Công ty được ưu đãi thuế TNDN theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 12/GCN.ƯĐĐT ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sóc Trăng như sau: Công ty được miễn thuế 3 năm kể từ năm 2004, được giảm thuế 50% trong 7 năm kể từ năm 2007 và được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

**3.14 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan:

Tổ chức	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	Việt Nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ	Việt nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Việt nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ Phần Vận Tải Mía Đường Sóc Trăng	Việt Nam	Công ty liên kết

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	88.552.000	184.827.500
Tiền gửi ngân hàng - VND	2.312.048.087	2.032.201.002
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	(*) <u>7.000.000.000</u>	<u>35.000.000.000</u>
	<u><b>9.400.600.087</b></u>	<u><b>37.217.028.502</b></u>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2014 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Sóc Trăng với lãi suất 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

**4.2 Các khoản phải thu thương mại**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	7.089.353.783	-
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	13.242.791.091	1.629.727.837
(*)	<u>20.332.144.874</u>	<u>1.629.727.837</u>

(\*) Các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**4.3 Trả trước cho người bán**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	-	505.578.756
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	13.189.343.303	8.635.564.157
	<u>13.189.343.303</u>	<u>9.141.142.913</u>

**4.4 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Phải thu bồi thường cầu trục sân mía (*)	1.406.615.636	1.406.615.636
Phải thu lãi tiền gửi	-	138.548.612
Phải thu Bảo hiểm xã hội	-	17.915.843
Phải thu khác	56.836.512	60.369.909
	<u>1.463.452.148</u>	<u>1.623.450.000</u>

(\*) Khoản phải thu này Công ty đang làm hồ sơ để tòa án xét xử bồi thường đơn vị gây thiệt hại cầu trục sân mía.

**4.5 Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi**

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	(7.357.299.982)	(6.728.967.394)
Tăng dự phòng trong năm	(1.985.093.916)	(628.332.588)
Số dư cuối năm	<u>(9.342.393.898)</u>	<u>(7.357.299.982)</u>

**4.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.842.425.452	5.796.019.560
Công cụ, dụng cụ	-	1.271.194.464
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	291.960.192	600.980.597
Thành phẩm	19.587.677.085	10.302.072.596
Hàng hóa	268.616.850	7.847.204.066
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<u>25.990.679.579</u>	<u>25.817.471.283</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<u>25.990.679.579</u>	<u>25.817.471.283</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

**4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/07/2013	80.320.737.760	233.002.118.463	4.254.519.652	1.693.942.962	319.271.318.837
Mua trong năm	300.700.000	1.765.445.618	343.636.364	-	2.409.781.982
Giảm do thanh lý	(2.053.569.365)	-	-	-	(2.053.569.365)
Giảm theo Thông tư 45	(72.227.027)	(226.540.097)	(27.241.627)	(134.612.566)	(460.621.317)
Phân loại lại	-	-	588.468.445	(588.468.445)	-
Vào ngày 30/06/2014	78.495.641.368	234.541.023.984	5.159.382.834	970.861.951	319.166.910.137
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/07/2013	49.614.728.906	107.758.451.249	1.511.100.334	1.002.209.121	159.886.489.610
Khấu hao trong năm	2.931.577.430	11.171.227.867	494.275.489	69.274.548	14.666.355.334
Giảm do thanh lý	(492.663.748)	-	-	-	(492.663.748)
Giảm theo Thông tư 45	(72.227.027)	(226.540.097)	(27.241.627)	(134.612.566)	(460.621.317)
Phân loại lại	-	1.355.629	312.751.718	(314.107.347)	-
Vào ngày 30/06/2014	51.981.415.561	118.704.494.648	2.290.885.914	622.763.756	173.599.559.879
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/07/2013	30.706.008.854	125.243.667.214	2.743.419.318	691.733.841	159.384.829.227
Vào ngày 30/06/2014	26.514.225.807	115.836.529.336	2.868.496.920	348.098.195	145.567.350.258

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2014 có các tài sản có nguyên giá 13.517.792.904 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/06/2013: 13.446.318.396 VND).

Tại ngày 30/06/2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 89.156.750.994 VND (30/06/2013: 93.198.805.690 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/07/2013	11.623.056.886	1.170.054.244	135.774.278	12.928.885.408
Mua trong năm	420.000.000	118.000.000	-	538.000.000
Thanh lý	(423.894.000)	-	-	(423.894.000)
Phân loại lại	-	(114.225.722)	114.225.722	-
Vào ngày 30/06/2014	11.619.162.886	1.173.828.522	250.000.000	13.042.991.408
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/07/2013	3.814.989.955	504.055.589	82.063.253	4.401.108.797
Khấu hao trong năm	312.988.368	139.353.558	24.999.996	477.341.922
Phân loại lại	-	(73.485.738)	73.485.738	-
Vào ngày 30/06/2014	4.127.978.323	569.923.409	180.548.987	4.878.450.719

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/07/2013	7.808.066.931	665.998.655	53.711.025	8.527.776.611
Vào ngày 30/06/2014	7.491.184.563	603.905.113	69.451.013	<b>8.164.540.689</b>

Tại 30/06/2014 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 856.230.029 VND (30/06/2013: 988.040.405 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

(\*) Tại ngày 30/06/2014 tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị nguyên giá là 5.359.395.500 VND chưa được cấp quyền sử dụng đất mang tên Công ty.

#### 4.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	4.008.344.430	3.320.401.964
Tăng trong năm	4.998.610.778	9.136.023.715
Giảm trong năm	(7.479.131.028)	(8.448.081.249)
Số dư cuối năm	<b>1.527.824.180</b>	<b>4.008.344.430</b>

#### Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang:

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Dự án mở rộng sản xuất	280.000.000	280.000.000
Móng bồn mật rỉ	795.000.000	795.000.000
Dự án Nhà Máy Nhiệt Điện	164.455.180	-
Dự án xay sát lúa gạo	230.000.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	58.369.000	2.933.344.430
	<b>1.527.824.180</b>	<b>4.008.344.430</b>

#### 4.10 Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2014			01/07/2013		
	VND	Tỷ lệ (%)	Số cp	VND	Tỷ lệ (%)	Số cp
Công ty Cổ Phần Vận Tải Mía Đường Sóc Trăng	718.590.000	42,31	6.347	718.590.000	42,31	6.347

#### 4.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	728.320.953	-
Số phát sinh	309.455.440	728.320.953
Số hoàn nhập	(728.320.953)	-
Số dư cuối năm	<b>309.455.440</b>	<b>728.320.953</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

**4.12 Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Vay ngắn hạn	-	-
Nợ vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 4.20) (*)	12.107.200.000	13.107.200.000
	<u>12.107.200.000</u>	<u>13.107.200.000</u>

(\*) Chi tiết nợ vay dài hạn đến hạn trả.

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Quỹ bảo vệ môi trường	-	1.000.000.000
Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Sóc Trăng	5.220.000.000	5.220.000.000
Ngân hàng VDB – Chi nhánh Sóc Trăng	3.070.000.000	3.070.000.000
Ngân hàng ACB – Chi nhánh Sóc Trăng	3.817.200.000	3.817.200.000
	<u>12.107.200.000</u>	<u>13.107.200.000</u>

**4.13 Phải trả người bán**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	31.582.006	-
Phải trả người bán – Bên thứ ba	645.894.257	1.201.619.040
	<u>677.476.263</u>	<u>1.201.619.040</u>

**4.14 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Người mua trả tiền trước – Bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước – Bên thứ ba	819.471.618	109.984.929
	<u>819.471.618</u>	<u>109.984.929</u>

**4.15 Thuế**

*Thuế và các khoản phải nộp nhà nước*

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.406.014.734	11.130.579.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.387.895.737	2.587.227.653
Thuế thu nhập cá nhân	241.772.945	235.423.469
Thuế tài nguyên	1.669.733	817.297
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.573.818	-
	<u>8.043.926.967</u>	<u>13.954.047.935</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
 Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

**4.16 Chi phí phải trả**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Chi phí lãi tiền vay	-	41.353.000
Chi phí lãi tiền nhận ký quỹ	94.645.831	170.666.666
Chi phí lãi chậm nộp tiền cổ phần hóa	-	12.167.757.103
Chi phí ban chỉ đạo mía đường	499.500.000	1.036.503.811
Chi phí công tác nước ngoài	1.406.950.000	1.532.000.000
Chi phí nguyên liệu	808.006.661	-
Chi phí thuê đất nhà nước	629.229.384	-
Chi phí nạo vét bề lướng tro + cảng lên mía	260.123.500	-
Chi phí phải trả khác	4.784.059.326	980.643.425
	<b>8.482.514.702</b>	<b>15.928.924.005</b>

**4.17 Phải trả phải nộp khác**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Kinh phí công đoàn	67.838.976	157.255.253
Bảo hiểm xã hội	35.049.742	-
Phải trả về cổ phần hóa	7.535.524.552	16.835.524.552
Phải trả nhân viên cửa hàng ứng tiền trước	-	528.671.744
Phải trả cổ tức	20.253.424	-
Phải trả lãi chậm nộp	9.182.747.700	-
Phải trả, phải nộp khác	25.000.000	140.148.424
	<b>16.866.414.394</b>	<b>17.661.599.973</b>

**4.18 Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	01/07/2013 VND	Trích lập quỹ VND	Sử dụng quỹ VND	30/06/2014 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	894.974.315	4.720.403.094	(3.426.419.040)	2.188.958.369
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	3.285.395.500	-	-	3.285.395.500
Quỹ thưởng Ban Điều Hành	7.723.180	-	-	7.723.180
	<b>4.188.092.995</b>	<b>4.720.403.094</b>	<b>(3.426.419.040)</b>	<b>5.482.077.049</b>

**4.19 Phải trả dài hạn khác**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
<b>Phải trả nhận ký quỹ:</b>		
Công ty CPSX-TM Bao Bì Thành Thành Công	2.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Đầu Tư Thành Thành Công	2.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	2.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Mía Đường Cần Thơ	2.500.000.000	5.000.000.000
	<b>8.500.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
 Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

**4.20 Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Vay dài hạn	52.521.083.926	65.628.283.926
Nợ dài hạn	-	-
	<b>52.521.083.926</b>	<b>65.628.283.926</b>
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 4.12)	<u>(12.107.200.000)</u>	<u>(13.107.200.000)</u>
	<b>40.413.883.926</b>	<b>52.521.083.926</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất %/Năm	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Quý bảo vệ môi trường		-	1.000.000.000
Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Sóc Trăng	5,4	23.444.253.926	28.664.253.926
Ngân hàng VDB – Chi nhánh Sóc Trăng	5,4	13.808.030.000	16.878.030.000
Ngân hàng ACB – Chi nhánh Sóc Trăng	10,8	15.268.800.000	19.086.000.000
		<b>52.521.083.926</b>	<b>65.628.283.926</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Trong vòng một năm	12.107.200.000	13.107.200.000
Trong năm thứ hai	12.107.200.000	12.107.200.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	28.306.683.926	40.413.883.926
	<b>52.521.083.926</b>	<b>65.628.283.926</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(12.107.200.000)</u>	<u>(13.107.200.000)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>40.413.883.926</b>	<b>52.521.083.926</b>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 90.012.981.023 VND (xem Thuyết minh số 4.7 và 4.8) và thế chấp bằng nợ phải thu (xem Thuyết minh số 4.2).

**4.21 Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	1.306.462.170	1.306.462.170
Số trích lập trong năm	-	-
Số hoàn nhập trong năm	<u>(410.863.600)</u>	<u>-</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>895.598.570</b>	<b>1.306.462.170</b>

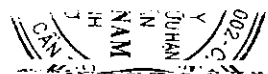
## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

### 4.22 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư ngày 01/07/2012	40.000.000.000	2.458.589.214	434.951.397	56.199.399.149	99.092.939.760
Lãi trong năm trước	-	-	-	23.749.869.952	23.749.869.952
Phân bổ vào các quỹ	-	20.194.789.702	5.769.939.915	(25.964.729.617)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.683.657.086)	(5.683.657.086)
Chi cổ tức	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(516.000.000)	(516.000.000)
Số dư ngày 01/07/2013	40.000.000.000	22.653.378.916	6.204.891.312	35.784.882.398	104.643.152.626
Lãi trong năm nay	-	-	-	25.121.985.017	25.121.985.017
Trích lập các quỹ	-	6.970.160.985	2.323.386.995	(9.293.547.980)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.349.044.453)	-	(1.349.044.453)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.720.403.094)	(4.720.403.094)
Cổ tức phải trả	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chi thù lao hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	(516.000.000)	(516.000.000)
Số dư ngày 30/06/2014	<b>40.000.000.000</b>	<b>29.623.539.901</b>	<b>7.179.233.854</b>	<b>36.376.916.341</b>	<b>113.179.690.096</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107515 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 8 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, vốn đã góp là 40.000.000.000 VND.





CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
 Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2014		30/06/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	-	-
Giảm vốn cổ phần trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

Chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông Công ty như sau:

	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	10.000.000.000	10.000.000.000
Văn phòng tỉnh ủy Sóc Trăng	5.460.000.000	5.460.000.000
Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ	5.030.000.000	5.030.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.000.000.000	3.000.000.000
Các cổ đông khác	12.510.000.000	16.510.000.000
	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

#### 4.23 Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐ ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tỷ lệ cổ tức 25%/vốn điều lệ.

**4.24 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐ ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tỷ lệ trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu như sau: Quỹ dự phòng tài chính là 10%, Quỹ đầu tư phát triển 30%.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu**

	2014 VND	2013 VND
<b>Tổng doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	525.947.194.219	567.134.126.065
Doanh thu bán hàng hóa	5.937.908.126	3.855.942.255
Doanh thu bất động sản	1.965.909.089	-
Doanh thu bán điện	8.689.329.700	7.963.660.800
Doanh thu bán mật rỉ	36.244.409.580	32.217.740.369
Doanh thu bán hàng khác	328.837.262	1.201.494.046
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu hàng bán	(41.334.407)	(79.337.240)
Giảm giá hàng bán	-	(13.017.476.324)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>579.072.253.569</b>	<b>599.276.149.971</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn bán thành phẩm	474.608.956.505	506.053.849.350
Giá vốn bán hàng hóa	7.531.843.747	3.688.338.022
Giá vốn bất động sản	1.673.448.956	-
Giá vốn bán mật rỉ	36.242.416.906	32.217.740.369
Giá vốn bán hàng khác	-	888.799.591
	<b>520.056.666.114</b>	<b>542.848.727.332</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	861.709.027	2.250.667.441
Cổ tức được chia	152.328.000	241.186.000
Lãi bán hàng trả chậm	-	133.622.222
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.143	32.799
	<b>1.014.038.170</b>	<b>2.625.508.462</b>



**5.4 Chi phí tài chính**

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền vay ngân hàng	6.144.728.348	8.446.647.551
Lãi chậm trả SCIC	1.799.049.923	2.579.587.257
Lãi tiền nhận ký quỹ, lãi ứng vốn	1.561.520.828	3.958.849.992
Chi phí tài chính khác	15.852	-
	<b>9.505.314.951</b>	<b>14.985.084.800</b>

**5.5 Thu nhập khác**

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	460.908.182
Thu tiền bán phế liệu	124.070.874	372.159.089
Thu tiền phạt	298.329.310	216.874.034
Thu tiền cho thuê nhà thương	2.913.181	166.887.047
Hoàn nhập các chi phí trích trước	1.031.702.895	-
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển khoa học và công nghệ	410.863.600	-
Điều chỉnh giảm tiền thu hộ cho Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng đã ghi nhận thu nhập trong năm trước	-	(556.179.160)
Thu nhập khác	101.175.103	297.115.243
	<b>1.969.054.963</b>	<b>957.764.435</b>

**5.6 Chi phí khác**

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	459.668.793	378.906.332
Giá trị phế liệu thanh lý	164.616.155	37.566.377
Các khoản phạt về thuế, hành chính	91.100.000	-
Chi phí khác	174.504.637	313.679.923
	<b>889.889.585</b>	<b>730.152.632</b>

**5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2014 VND	2013 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>31.038.137.387</b>	<b>23.494.694.077</b>
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh ưu đãi	29.468.458.957	35.626.658.612
Lợi nhuận kinh doanh bất động sản	292.460.133	-
Lợi nhuận từ hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển công nghệ	410.863.600	-
Lợi nhuận khác	866.354.697	(12.131.964.535)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

	2014 VND	2013 VND
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán:</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng	4.692.197.662	5.122.197.591
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.327.890.895)	(706.186.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>34.402.444.154</b>	<b>27.910.705.668</b>
Thu nhập hoạt động kinh doanh hưởng ưu đãi	33.925.458.989	40.042.670.203
Thu nhập kinh doanh bất động sản	292.460.133	-
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển công nghệ	410.863.600	-
Thu nhập khác	(226.338.568)	(12.131.964.535)
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>		
Thu nhập hoạt động kinh doanh hưởng ưu đãi	20%*50%	20%*50%
Thu nhập kinh doanh bất động sản	22%	25%
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển công nghệ	20%*50%	20%*50%
Thu nhập khác	20%*50%	20%*50%
Thuế TNDN dự tính phải nộp	5.497.286.857	2.791.070.567
Giảm 30% theo Thông tư 140/2012/TT-BTC	-	(203.842.914)
Điều chỉnh giảm thuế TNDN 2012	-	(2.114.082.575)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.497.286.857</b>	<b>473.145.078</b>

Chi tiết chi phí (lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại:

	2014 VND	2013 VND
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(309.455.440)	(728.320.953)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	728.320.953	-
<b>Chi phí (lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>418.865.513</b>	<b>(728.320.953)</b>

### 5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	25.121.985.017	23.749.869.952
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu thường	25.121.985.017	23.749.869.952
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.280</b>	<b>5.937</b>

### 5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	464.893.089.634	485.883.818.678
Chi phí nhân công	35.768.592.271	32.764.564.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.143.697.256	15.154.916.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.899.283.966	33.466.184.059
Chi phí bằng tiền khác	7.541.929.014	6.027.953.823
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>538.246.592.141</b>	<b>573.297.438.121</b>

1/89  
 CÔNG  
 CHỨC  
 KIỂM  
 CHẾ  
 CH  
 KIE

## 6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.400.600.087	37.217.028.502
Đầu tư tài chính	718.590.000	718.590.000
Phải thu	19.344.491.083	2.543.978.973
Tài sản khác	-	-
	<b>29.463.681.170</b>	<b>40.479.597.475</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	52.521.083.926	65.628.283.926
Phải trả người bán	677.476.263	1.201.619.040
Phải trả khác	17.728.001.124	17.668.820.168
Chi phí phải trả	8.801.895.325	15.928.924.005
	<b>79.728.456.638</b>	<b>100.427.647.139</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Trên cơ sở này và các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	12.107.200.000	40.413.883.926	52.521.083.926
Phải trả người bán	677.476.263	-	677.476.263
Phải trả khác	9.228.001.124	8.500.000.000	17.728.001.124
Chi phí phải trả	8.801.895.325	-	8.801.895.325
	<b>30.814.572.712</b>	<b>48.913.883.926</b>	<b>79.728.456.638</b>

002-  
TỶ  
HỮU,  
AN :  
NA  
NH :  
HO  
P.C

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

01/07/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	13.107.200.000	52.521.083.926	65.628.283.926
Phải trả người bán	1.201.619.040	-	1.201.619.040
Phải trả khác	668.820.168	17.000.000.000	17.668.820.168
Chi phí phải trả	15.928.924.005	-	15.928.924.005
	<b>30.906.563.213</b>	<b>69.521.083.926</b>	<b>100.427.647.139</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.400.600.087	-	9.400.600.087
Đầu tư tài chính	-	718.590.000	718.590.000
Phải thu	19.344.491.083	-	19.344.491.083
	<b>28.745.091.170</b>	<b>718.590.000</b>	<b>29.463.681.170</b>

01/07/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.217.028.502	-	37.217.028.502
Đầu tư tài chính	-	718.590.000	718.590.000
Phải thu	2.543.978.973	-	2.543.978.973
	<b>39.761.007.475</b>	<b>718.590.000</b>	<b>40.479.597.475</b>

### Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp tại ngân hàng dùng để đảm bảo các khoản vay là nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và phải thu thương mại của Công ty (Thuyết minh 4.7, 4.8 và Thuyết minh 4.2)

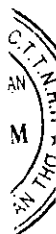
Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30/06/2014 và ngày 01/07/2013.

## 7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### Nghiệp vụ chủ yếu và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Các tổ chức liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2014 VND	2013 VND
Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	Phải trả lãi cổ phần, lãi cổ tức Chia cổ tức	1.799.049.923 2.500.000.000	12.167.757.103 3.000.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Bán hàng Mua hàng Phải trả lãi ký quỹ Chia cổ tức Lãi trả chậm	43.601.660.000 13.310.133.333 334.805.553 750.000.000 87.736.949	58.466.500.000 21.987.345.000 722.528.888 - -



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các tổ chức liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2014 VND	2013 VND
Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ	Phải trả lãi ký quỹ Chia cổ tức	516.215.279 1.257.500.000	1.118.020.831 1.200.000.000
Công ty Cổ Phần Vận Tải Mía Đường Sóc trăng	Bán hàng Bán điện Cho thuê kios Mua hàng Chia cổ tức Nhận cổ tức Thuê vận chuyển Thu phạt tài liệu	9.594.500 11.397.755 52.800.000 276.667.264.003 1.355.000 152.328.000 9.146.184.549 8.000.000	40.575.000 48.192.032 50.400.000 302.318.243.067 - - - -

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

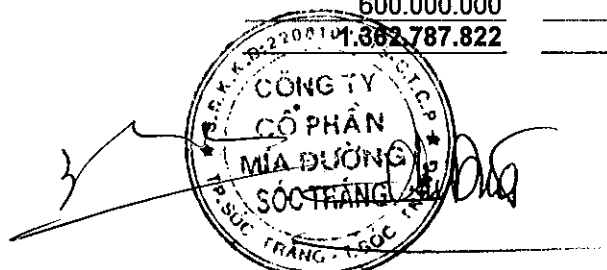
Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2014 VND	01/07/2013 VND
Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	Phải trả lãi cổ phần, lãi cổ tức Phải trả nợ gốc cổ phần	(9.182.747.700) (7.535.524.552)	(12.167.757.103) (16.835.524.552)
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Phải thu bán hàng Nhận ký quỹ Phải trả lãi ký quỹ	7.089.353.783 (2.000.000.000) (21.305.555)	- (4.000.000.000) (33.333.333)
Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ	Phải trả nhận ký quỹ Phải trả lãi ký quỹ	(2.500.000.000) (30.729.166)	(5.000.000.000) (50.000.000)
Công ty CP Vận Tải Mía Đường Sóc Trăng	Phải trả mua hàng Trả trước vận chuyển	(31.582.006) -	(14.755.644) 505.578.756

Thu nhập cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Lương thưởng	762.787.822	723.591.497
Các khoản khác	600.000.000	600.000.000
	<b>1.362.787.822</b>	<b>1.323.591.497</b>



**NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**  
Người lập biểu



**PHAN TUYẾT THU**  
Kế toán trưởng

**CÔ TRÍ DŨNG**  
Tổng Giám đốc

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 8 năm 2014